TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỜ ĐỎ
TP. CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 201/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 20/9/2017.
V/v tranh chấp " Không công nhận vợ chồng giữa chị Trần Ngọc T với anh Nguyễn Quốc B"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, TP. CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Thanh Huỳnh
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lương Hùng Dũng.
2. Ông Trần Thanh Vũ.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Thanh Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Ngày 20 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 103/2017/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2017 về tranh chấp " Không công nhận vợ chồng ". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Trần Ngọc T, sinh năm 1985. (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp Th, thị trấn C, huyện D, thành phố C.
2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Quốc B, sinh năm 1979. (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp T, thị trấn C, huyện C, thành phố C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Ngọc T trình bày: Năm 2007 chị và anh Nguyễn Quốc B tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một con chung cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 29/10/2011. Tuy nhiên, hạnh phúc chưa được lâu thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do phía anh B không quan tâm vợ con, thường xuyên nhậu bê tha và bạo lực gia đình với chị và xúc phạm gia đình chị. Nay, chị nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên chị T yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với anh B.

Về nuôi con chung: Chị T đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc N cho anh B nuôi dưỡng đến trưởng thành, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nghĩa vụ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Quốc B trình bày: Anh thống nhất với trình bày của chị Trần Ngọc T về thời gian tiến tới hôn nhân, không đăng ký kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn, con chung, cấp dưỡng, tài sản chung, nghĩa vụ chung. Nay, anh thống nhất chấm dứt quan hệ như vợ chồng với chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]*Về tố tụng dân sự:* Theo đơn khởi kiện của chị Trần Ngọc T thì quan hệ tranh chấp của vụ án là " Không công nhận vợ chồng" mà cụ thể chị T yêu cầu chấm dứt quan hệ như vợ chồng với anh Nguyễn Quốc B. Căn cứ Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Hôn nhân của chị T và anh B là tự nguyện nhưng khi về sống chung thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân do anh B không quan tâm vợ con và có hành vi bạo lực gia đình nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Khi tiến hôn nhân chị T và anh B đều xác định không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: " *Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này* ". Khoản 2, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định " *Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này*". Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ không công nhận chị T và anh B là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Ghi nhận chị T đồng ý giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 29/10/2011 cho anh B nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ghi nhận chị T và anh B xác định không có.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 7 Điều 28, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên án:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Ngọc T với anh Nguyễn Quốc B.

2. Về nuôi con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh B. Giao con chung Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 29/10/2011 cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung cho chị T không ai có quyền cản trở. Tuy nhiên, chị T không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nếu có thì anh B có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của chị T.

Vì lợi ích mọi mặt của con khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung: Ghi nhận chị T và anh B xác định không có.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Ngọc T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 000318 ngày 16 tháng 6 năm 2017 thành tiền án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Cờ Đỏ;
- Chi cục THA huyện Cờ Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thanh Huỳnh